

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 21-04-2022
V/v Tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng vay tài sản và đòi
lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Phụng;**
2. Ông **Phan Quốc Tiến;**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đào Kim Xoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Tèo** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2020/TLST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST- DS, ngày 31/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Ngọc B**, năm sinh 1978;

Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà B là ông **Vũ Tuấn A**, sinh năm 1970. Địa chỉ: số A, đường L, phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2020)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1965;

Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P., thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Tuấn A và bà T có mặt; ông Q,
bà C và ông N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà B và bà T là chỗ làm ăn quen biết từ năm 2014; bà T là người kinh doanh lúa gạo. Vào khoảng tháng 9/2015, bà T hỏi vay bà B 300.000.000 đồng, không làm giấy tờ, nên đến ngày 20/6/2020 dương lịch bà T có viết Biên nhận và ký tên xác nhận trước đây có vay bà B số tiền 300.000.000 đồng, có ông Hồ Văn S và ông Nguyễn Văn C ký tên làm chứng; 02 bên thỏa thuận miệng trả nợ trước ngày 25/6/2020.

Bà T có nhờ bà B bán giùm 25.100kg gạo và bà B đã bán cho 03 người với giá 10.400đ/kg, thành tiền 261.040.000 đồng nhưng không nhớ bán cho ai. Việc lấy gạo tại nhà máy của ông N là do bà B thực hiện được sự đồng ý của bà T và được thực hiện sau ngày bà T thiếu nợ, không phải sau ngày xác lập biên nhận cho bà B. Nhưng do bà T còn nợ tiền bà B mà đến hạn không trả nên đã cản trở vào sổ tiền nợ.

Tuy nhiên, tại thời điểm lấy gạo thì bà T có điện thoại cho bà B nhưng không có mặt của bà T. Xác định bà T nhờ bà B bán gạo giúp; không phải bà T bán gạo cho bà B.

Ngày 25/6/2020, bà B gửi bản thông báo qua đường bưu điện cho bà T về việc cản trở nợ để bà T biết và yêu cầu bà T phải trả số tiền còn nợ lại, nhưng bà T không đồng ý trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B có đơn yêu cầu thay đổi như sau:

1. Bà B yêu cầu bà T trả số tiền vay là 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tính ngày 26/6/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

2. Bà B đồng ý trả cho bà T số tiền gạo bán giúp là 261.040.000 đồng, không đồng ý trả cho ông Q và bà C.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2015, bà T có vay tiền của bà B nhiều lần, lãi suất Ta thuận là 1.500 đồng/triệu/ ngày. Đến tháng 11/2018, bà T không có khả năng trả tiếp cho bà B nên Thỏa thuận sẽ trả lãi theo Nhà nước, bà B đồng ý. Bà T thừa nhận đến ngày 26/6/2020, bà T nợ bà B 300.000.000 đồng và có ký tên xác nhận nợ theo Giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp. Từ ngày xác nhận nợ đến nay thì bà T không trả khoản tiền vay và lãi nào cho bà B.

Đối với số gạo 25.100kg gạo là bà T nhờ bà B tìm người mua thì bà T xác định là gạo của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C nhờ xay xát tại nhà máy của ông N. Ông Q và bà C không có giao gạo cho bà T chỉ để ở nhà máy của ông N. Ngày 21/4/2020 (âm lịch) bà B lên lấy gạo thì không thông báo cho bà T biết. Khi phát hiện việc lấy gạo thì bà T gặp bà B để làm rõ thì được bà B cam kết trả cho ông Q và bà C vào ngày 25/4/2021 âm lịch nhưng không có gì chứng minh. Việc bà B tự ý cản trở không thông qua ông Q và bà C nên không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn về việc cản trở nợ.

Bà T xác nhận không có bán gạo cho bà B mà chỉ nhờ bán giúp. Khi nhờ bà B bán gạo thì có thông báo số gạo là của ông Q và bà C, nhưng không có gì chứng minh. Bà B bán gạo cho ai thì không xác định nhưng bà T có nhận thông báo cản trở nợ từ bà B nhưng không đồng ý. Xác nhận ngày bà B lấy gạo là ngày 21/4/2020 âm lịch, còn ngày xác lập biên nhận là ngày 29/4/2020 âm lịch.

Nay bà T đồng ý trả số tiền vay 300.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu của bà B. Việc bà B đồng ý trả cho bà số tiền gạo 261.040.000 đồng thì không đồng ý, vì số gạo này của ông Q và bà C.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 21/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C trình bày: Ông Q và bà C quen biết với bà T thông qua làm ăn, không có quan hệ gì. Trước đây, ông bà có thuê ông H chở lúa từ Đức Huệ, Long An lên nhà máy ông N. Ông Hậu và bà T trực tiếp đứng nhà máy để xay xát với số lúa 53 tấn 312 kg. Khi xay thì ông N xác nhận số lúa là của ông Q và bà C. Ta thuận xay thì phần gạo ông Q và bà C lấy; còn tấm, cám và trấu thì nhà máy ông N lấy. Khi xay xong được 632 bao gạo gửi tại kho nhà máy ông N. Ông Q có nhờ bà T kiếm người mua giúp số gạo chứ không bán cho bà T, được ông N là chủ nhà máy xác nhận. Bà T kiếm người bán được 130 bao gạo và đã giao tiền xong. Số bao còn lại là 502 bao với trọng lượng 25.100 kg gạo thì bà T nhờ chị B bán giúp và hẹn ngày 25/4/2020 âm lịch lấy tiền. Tuy nhiên, bà B tự ý cản trở nợ của bà T bằng số gạo trên, sự việc được ông Q và bà C tố cáo đến Công an xã P và đã chuyển hồ sơ lên Công an huyện Cao Lãnh giải quyết. Ông Q và bà C yêu cầu bà B trả số tiền gạo là 261.040.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Không đồng ý việc bà B trả số tiền gạo này vào khoản tiền vay của bà T.

Các đương sự xác định số gạo tranh chấp có giá là 261.040.000 đồng, không yêu cầu định giá lại.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022 của ông Nguyễn Văn N xác nhận số gạo đang tranh chấp mà bà B lấy tại nhà máy là của ông Q và bà C.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

Giấy nhận nợ viết tay trên 01 mặt giấy tập học sinh, đề ngày 20/6/2020;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp:

Đơn xác nhận ký tên Nguyễn Văn N có xác nhận của UBND xã P ngày 22/7/2020;

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai cho bị đơn nhưng không ai có ý kiến phản bác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án:

Bà B yêu cầu bà T trả số tiền vay 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/6/2020 đến khi giải quyết xong vụ kiện, với lãi suất là 0,83%/tháng. Bà T đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu của bà B. Đây là sự tự nguyện và phù hợp nên căn cứ Điều 468, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự Ta thuận này.

Đối với số gạo bà B lấy từ nhà máy của ông N bán được số tiền 261.040.000 đồng, được bà T và ông N là chủ nhà máy xác nhận là của ông Q và bà C. Việc bà B bán số gạo trên do bà T nhờ; do đó, ông Q và bà C yêu cầu bà B trả số tiền gạo là phù hợp. Căn cứ Điều 166 và Điều 579 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q và bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Hồ Thị Ngọc B yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị T trả số tiền vay và lãi; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C yêu cầu bà B trả lại giá trị số gạo là 261.040.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 463 và Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q, bà C và ông N.

Về nội dung:

[4] Bà B trình bày có cho bà T vay số tiền 300.000.000 đồng, chứng minh là giấy nhận nợ ghi bằng bút bi màu xanh trên giấy tập học sinh có chữ ký người viết nhận nợ là Nguyễn Thị T.

Hội đồng xét xử nhận định: Bà T thừa nhận có vay của bà B số tiền 300.000.000 đồng và thừa nhận biên nhận ngày 20/6/2020 do nguyên đơn cung cấp là đúng chữ ký của bà. Do đó, việc bà T có vay tiền của bà B là có thật. Bà T thừa nhận chưa thanh toán hết tiền vay cho bà B nên vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của bà B là có căn cứ.

[5] Đối với việc bà T trình bày: Giữa bà B với bà T có kinh doanh lúa gạo với nhau. Bà T có vay tiền nhiều lần của bà B, tổng kết đến tháng 09/2015 thì số tiền còn nợ lại là 300.000.000 đồng. Lãi suất Ta thuận là 4,5%/tháng, không xác lập biên nhận nợ. Bà T trả được cho bà B số tiền lãi là 499.500.000 đồng nhưng không có gì chứng minh. Tháng 12/2018, bà B thống nhất không tính lãi thêm và chỉ trả nợ gốc. Nay bà T đồng ý trả cho bà B số tiền vay còn thiếu là 300.000.000 đồng và lãi là 0,83%/tháng, tính lãi từ ngày 26/6/2020 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Xét thấy sự Thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật. Căn cứ Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự cần công nhận sự Thỏa thuận này.

[6] Đối với số gạo bà T nhờ bà B bán giúp là 25.100 kg thành tiền là 261.040.000 đồng. Tại phiên tòa, bà B đồng ý trả số tiền này cho bà T, không đồng ý trả cho ông Q và bà C. Bà T không đồng ý bà B trả số tiền này, do số gạo là của ông Q và bà C.

Hội đồng xét xử nhận định: Số gạo mà bà T nhờ bà B bán giúp với số lượng là 25.100 kg tương ứng với số tiền 261.040.000 đồng thì bà T xác định là số gạo của ông Q và bà C là có cơ sở. Bởi vì, ông Q và bà C thuê vận chuyển lúa từ Long An đến nhà máy xay lúa của ông Nguyễn Văn N ở ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh. Tại biên bản Thỏa thuận ngày 13/7/2020 tại Công an xã P, thì ông N và ông H xác nhận số gạo là của ông Q và bà C. Bà T cũng xác nhận là người xay gạo giúp ông Q và bà C được ông N xác nhận theo văn bản ngày 22/7/2020. Ngoài ra, bà B cũng xác nhận là lấy gạo từ nhà máy của ông N, không có mặt của bà T. Bà B nhận gạo bán ngày 21/4/2020 (âm lịch) tức là ngày 13/5/2020 nhưng biên nhận nợ ngày 20/6/2020 vẫn xác nhận số nợ 300.000.000 đồng (biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2020). Mặt khác, bà T với ông Q và bà C không có xác lập mua bán hay tặng cho. Đồng thời, ông Nguyễn Văn N cũng xác nhận số gạo các bên tranh chấp là của ông Q và bà C. Do đó, có đủ căn cứ xác định số gạo mà bà B lấy tại nhà máy ông N là của ông Q và bà C.

[7] Đối với ông Q và bà C trình bày: Số gạo 25.100kg gửi tại nhà máy ông N là của ông bà. Việc giao cho bà T là chỉ nhờ bán hộ chứ không phải bán cho bà T. Ông, bà chứng minh số gạo của mình thông qua xác nhận của ông Hậu là người chở thuê, ông N là chủ nhà máy và bà T thừa nhận là người bán giúp. Ông Q và bà C yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả số tiền gạo 261.040.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Ông Q và bà C thuê ông Hậu là người chở thuê từ Long An đến nhà máy ông N ở xã P. Sau khi xay xát xong thì số gạo là 632 bao với trọng lượng 31.600kg, ông bà nhờ bà T bán giúp số gạo trên. Lần thứ nhất, bà T bán 130 bao với trọng lượng là 6.500 kg, đã giao tiền lại cho ông Q và bà C. Lần thứ hai, bà T nhờ bà B bán nhưng chưa trả tiền với nguyên nhân là bà B tự ý cản trừ nợ của T. Bà B thừa nhận có nhận số gạo tại nhà máy ông N và bán được số tiền 261.040.000 đồng. Việc bà B tự ý cản trừ nợ của bà T vào số tiền bán gạo nhưng không được sự đồng ý của ông Q và bà C là chưa phù hợp. Bà B cũng không có gì chứng minh số gạo này của bà T. Căn cứ Điều 166 và Điều 579 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của ông Q và bà C là có căn cứ.

[8] Về lãi suất và bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa, đại diện bà B với bà T thỏa thuận trả số tiền 300.000.000 đồng và lãi là 0,83%/tháng, tính lãi từ ngày 26/6/2020 đến khi giải quyết xong vụ kiện. Tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 26/6/2020 đến ngày xét xử là 21/4/2022 tương ứng 22 tháng. Như vậy tiền lãi là: 300.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng = 54.780.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi: 300.000.000 đồng + 54.780.000 đồng = 354.780.000 đồng.

Ông Q và bà C không yêu cầu bà B bồi thường thiệt hại nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của bà B và bà T.

Căn cứ Điều 166 và Điều 579 Bộ luật dân sự yêu cầu của ông Q và bà C là có căn cứ. Buộc bà B có nghĩa vụ trả cho ông Q và bà C số tiền gạo là 261.040.000 đồng.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 12 và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Bà T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, do là người cao tuổi.

Do yêu cầu của ông Q và bà C được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 6.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012619 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Bà B phải nộp án phí sơ thẩm là 13.052.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 974.000 đồng theo biên lai thu số 0003843 ngày 26/6/2020 và 7.640.000 đồng theo biên lai thu số 007129 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà B tiếp tục nộp 4.438.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 579 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 và Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hồ Thị Ngọc B;

Công nhận sự Ta thuận của bà Hồ Thị Ngọc B và bà Nguyễn Thị T như sau: Bà Nguyễn Thị T đồng ý trả cho bà Hồ Thị Ngọc B số tiền vay 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và tiền lãi 54.780.000 (năm mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng. Tổng cộng 354.780.000 (Ba trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Ngọc B về việc đồng ý trả số tiền 261.040.000 (hai trăm sáu mươi một triệu, không trăm bốn mươi nghìn) đồng cho bà Nguyễn Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Hồ Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C số tiền 261.040.000 (Hai trăm sáu mươi một triệu, không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, do là người cao tuổi.

Bà Hồ Thị Ngọc B phải nộp 13.052.000 (Mười ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.614.000 (tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003843 ngày 26/6/2020 và biên lai thu số 007129 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Bà Hồ Thị Ngọc B tiếp tục nộp 4.438.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C được nhận lại 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012619 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền Ta thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Mai Hương – Phạm Phước Tâm

Trần Văn Đô